ĐỀ THI THỬ TRẮC NGHIỆM CHỦ ĐỀ CHUNG LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ
(Đề 3)

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** đúng về thuận lợi của biển đảo Việt Nam trong phát triển kinh tế?
A. Có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
B. Vị trí nằm gần tuyến hàng hải quốc tế.
C. Nhiều bãi biển đẹp, cảnh quan đặc sắc.
D. Có nhiều loại thủy sản giá trị kinh tế cao.
Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** đúng hoạt động của Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp trên Biển Đông?
A. Thành lập liên minh quân sự và hàng hải với các nước láng giềng.
B. Kí một số thoả thuận về phân định và hợp tác với các nước trên biển.
C. Xây dựng hệ thống luật và pháp luật làm cơ sở bảo vệ chủ quyền.
D. tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC)
Câu 3. Sau khi Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) được kí kết đến năm 1945, việc thực thi, bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông của Việt Nam do nước nào sau đây tiến hành?
A. Mỹ.
B. Pháp.
C. Nhật.
D. Pháp và Mỹ.
Câu 4. Các chúa Nguyễn tổ chức các đội Hoàng Sa, Bắc Hải nhằm
A. xây dựng các đặc khu kinh tế biển.
B. kí kết Hiệp định với các nước láng giềng
C. diễn tập quân sự và xây dựng căn cứ.
D. khai thác sản vật và quản lí biển đảo.
Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh khó khăn lớn nhất của Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp trên Biển Đông?
A. Cơ sở hạ tầng yếu kém chưa đủ để thực thi chủ quyền trên biển.
B. Tiềm lực quân sự của Việt Nam yếu so với các nước trong khu vực.
C. Chưa có công ước quốc tế về luật biển làm cơ sở giải quyết tranh chấp.
D. Tình trạng chồng lấn giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia.
Câu 6. Nội dung nào sau đây không đúng về quá trình bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp trên Biển Đông của Việt Nam?
A. Từ sau khi kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), Pháp đại diện cho Việt Nam bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông.
B. Từ thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn đã cho lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải để bảo vệ chủ quyền và khai thác nguồn lợi.
C. Từ năm 1975 đến nay, Nhà nước Việt Nam tiếp tục có hoạt động đấu tranh kiên quyết nhằm thực thi chủ quyền biển đảo.
Câu 7. Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838) có ghi rõ hình thể và vị trí Hoàng Sa, Trường Sa được vẽ dưới thời
A. vua Tự Đức.
B. vua Lê Thánh Tông.
C. vua Minh Mạng.
D. vua Quang Trung.

LIVEWORKSHEETS

Câu 8. Thiên Nam tứ chí lộ thư (thế kỉ XVII), Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838),… được xếp vào dạng chứng cứ nào sau đây về chủ quyền biển đảo của Việt Nam?
A. Di chỉ khảo cổ.
B. Công trình sử học.
C. Bản đồ cổ.
D. Châu bản.
Câu 9. Bản đồ nào sau đây có ghi rõ hình thể và vị trí Hoàng Sa, Trường Sa được vẽ dưới thời Minh Mạng (1820-1840)?
A. Đại Nam nhất thống toàn đồ
B. Thiên Nam tứ chí lộ thư
C. Giáp Ngọ niên bình Nam đồ
D. Át-lát thế giới.
Câu 10. Thông tin nào sau đây là đúng về các chứng cứ lịch sử về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam?
A. Tấm bia trên đảo Song Tử Tây và Nam Yết (thuộc quần đảo Hoàng Sa) được dựng năm 1956.
B. Lịch triều hiến chương loại chí do Lê Quý Đôn biên soạn ghi chép rõ về Hoàng Sa.
C. Đại Nam nhất thống toàn đồ vẽ vào thế kỉ XVII ghi rõ địa danh Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa.
D. Phủ biên tạp lục do Lê Quý Đôn biên soạn thể hiện rõ đảo Trường Sa.
Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** đúng về đô thị?
A. Là trung tâm chính trị, nơi có các cơ quan hành chính nhà nước.
B. Là trung tâm kinh tế, nơi tập trung các ngành phi nông nghiệp.
C. Là nơi tập trung dân số đông, hoạt động nông nghiệp là chủ yếu.
D. Là đầu mối giao thông, thông tin, trung tâm tài chính, văn hóa.
Câu 12. Các đô thị thời kì xã hội công nghiệp bắt đầu từ
A. cuối thế kỉ XVIII, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
B. đầu thế kỉ XX, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
C. đầu công nguyên, gắn với sự phát triển của La Mã và Hy Lạp.
D. cuối thế kỉ XX, gắn với sự phát triển của các thiết bị thông minh.
Câu 13. Các đô thị thời kì xã hội công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?
A. Tỉ lệ dân thành thị tăng lên ở tất cả các quốc gia trên thế giới.
B. Số dân thành thị tăng lên nhưng tỉ lệ dân thành thị không đổi.
C. Số dân thành thị tăng lên nhưng không đều giữa các nước.
D. Tỉ lệ dân thành thị tăng dù số dân thành thị không đổi.
Câu 14. Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm ở khu vực nào sau đây?
A. Châu Á.
B. Châu Âu và Bắc Mỹ.
C. Khu vực Mỹ La-tinh.
D. Đông Nam Á.
Câu 15. Trong thời kì xã hội công nghiệp, các đô thị **không** có đặc điểm nào sau đây?
A. Xuất hiện nhiều đô thị thông minh.
B. Quy mô của đô thị ngày càng lớn.
C. Đô thị sản xuất công nghiệp và dịch vụ.
D. Xuất hiện các đô thị cực lớn.

LIVEWORKSHEETS

Câu 16. Đô thị hóa thời kì xã hội hậu công nghiệp có điểm mới nào sau đây so với các thời kì trước đó?
A. Số lượng cư dân thành thị tăng lên.
B. Xuất hiện nhiều đô thị thông minh.
C. Đô thị sản xuất công nghiệp và dịch vụ.
D. Xuất hiện các đô thị cực lớn (siêu đô thị)
Câu 17. Đô thị đầu tiên của Việt Nam là
A. Phố Hiến.
B. Hội An.
C. Cổ Loa.
D. Hoa Lư.
Câu 18. Nội dung nào sau đây là đúng về các đô thị hóa thời kì trung đại ở Việt Nam?
A. Đô thị hóa chậm nhưng dân số tập trung ở đô thị.
B. Đô thị hóa chậm, nhiều đô thị đơn chức năng.
C. Đô thị hóa nhanh nhưng tỉ lệ dân cư đô thị không cao.
D. Đô thị hóa nhanh với nhiều đô thị đa chức năng.
Câu 19. Đô thị nào sau đây ở Việt Nam được hình thành từ thời Pháp thuộc?
A. Hội An.
B. Hoa Lư.
C. Phố Hiến.
D. Hải Phòng.
Câu 20. Ở Việt Nam hiện nay có những vùng đô thị nào sau đây?
A. Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Thành phố Hồ Chí Minh.
B. Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.
C. Vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ.
D. Vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ.
Câu 21. Từ sau năm 2010, đô thị ở Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?
A. Hình thành nhiều siêu đô thị, đô thị thông minh.
B. Đô thị hóa chậm lại và phân bố tương đối đồng đều.
C. Đô thị hóa nhanh với rất nhiều đô thị thông minh.
D. Đô thị hóa nhanh và phân bố tương đối đồng đều.
Câu 22. Đô thị nào sau đây ở Việt Nam là đô thị cảng?
A. Hải Phòng.
B. Hà Nội.
C. Ninh Bình.
D. Nam Định.
Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng tác động tích cực của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay?
A. Tạo động lực cho nông thôn phát triển.
B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. Tăng sức ép việc làm đối với xã hội .
D. Mở rộng thị trường việc làm và hàng hóa.
Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay?
A. Nhiều cơ sở hạ tầng mới được xuất hiện.
B. Tăng sức ép lên ngành giáo dục và y tế.

LIVEWORKSHEETS

C. Tăng sức ép việc làm đối với xã hội.
D. Hạ tầng đô thị không đáp ứng nhu cầu.
Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình đô thị hóa ở Việt Nam so với thế giới?
A. Nhanh hơn nhưng chất lượng đô thị thấp.
B. Chậm hơn và tỉ lệ dân cư đô thị còn thấp.
C. Tương đối nhanh và trình độ đô thị hóa cao.
D. Chậm hơn nhưng tỉ lệ siêu đô thị cao hơn.
Câu 26. Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam ngày càng được đẩy nhanh chủ yếu do yếu tố nào sau đây?
A. Do các siêu đô thị được thành lập nhiều.
B. Do nông dân bị mất đất phải dồn ra đô thị.
C. Điều kiện sống ở đô thị tốt, mức sống thấp.
D. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
Câu 27. Tỉ lệ dân thành thị ở Việt Nam còn thấp so với một số nước trong khu vực và thế giới vì lí do nào sau đây?
A. Do nông dân bị mất đất phải dồn ra đô thị.
B. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. Điều kiện sống ở đô thị tốt, mức sống thấp.
D. Do các siêu đô thị được thành lập nhiều.
Câu 28. Nội dung nào sau đây **không** đúng về quá trình đô thị hóa thời kì xã hội công nghiệp?
A. Quy mô đô thị có xu hướng tăng lên, xuất hiện nhiều đại đô thị hàng triệu dân.
B. Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm ở các nước phát triển và gắn với cách mạng công nghiệp.
C. Quá trình đô thị hóa ở các nước đang phát triển vẫn diễn ra nhưng trình độ đô thị hóa khác nhau giữa các quốc gia.
D. Hoạt động kinh tế đô thị chỉ tập trung vào công nghiệp hiện đại và kinh tế tri thức.
Câu 29. Nội dung nào sau đây là đúng về quá trình đô thị hóa thời kì xã hội hậu công nghiệp?
A. Tốc độ gia tăng dân thành thị ngày càng nhanh, các đô thị nhỏ ngày càng nhiều.
B. Số lượng công nhân đô thị tăng lên do sản xuất cơ khí thay thế sản xuất thủ công.
C. Hoạt động kinh tế đô thị tập trung vào công nghiệp hiện đại và kinh tế tri thức.
D. Các đô thị tập trung sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất điện thay thế sản xuất cơ khí.
Câu 30. Nội dung nào sau đây là đúng về quá trình đô thị hóa trên thế giới thời kì xã hội công nghiệp?
A. Mỹ La-tinh có nhiều siêu đô thị (có dân số từ 10 triệu người trở lên) so với châu Á và châu Phi.
B. Đô thị hóa ở các nước châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh diễn ra sớm hơn châu Âu và Bắc Mỹ.
C. Đô thị hóa ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ diễn ra sớm hơn so với các nước châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh.
D. Các vùng đô thị, dải siêu đô thị xuất hiện từ thế kỉ XVIII, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
Câu 31. Nội dung nào sau đây **không** đúng về mở rộng không gian đô thị?

LIVEWORKSHEETS

A. Sự liên kết, hợp nhất giữa các vùng ngoại ô và các thành phố tạo nên một dải đô thị liên tục.
B. Tạo không gian xanh và môi trường sinh thái an toàn cho một vùng đô thị.
C. Giảm bớt áp lực về việc làm, môi trường, nhà ở cho các đô thị dân số đông.
D. Các thị trấn và vùng ngoại ô cấu trúc tương tự như các thành phố nhỏ trong một thành phố lớn.
Câu 32. Nội dung nào sau đây **không** đúng về quá trình đô thị hóa ở Việt Nam?
A. Thời Pháp thuộc, các đô thị với chức năng hành chính, kinh tế, quân sự được hình thành.
B. Các đô thị ở Việt Nam được hình thành sớm. Đô thị đầu tiên là Cổ Loa.
C. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, các siêu đô thị (có số dân trên 10 triệu người) hình thành ngày càng nhiều.
D. Bước vào thế kỉ XXI, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, hệ thống đô thị tương đối đồng đều trong cả nước.
Câu 33. Nội dung nào sau đây **không** đúng về đô thị ở Việt Nam từ sau năm 1975?
A. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
B. Hình thành nhiều loại hình đô thị.
C. Đô thị chỉ có chức năng hành chính.
D. Số dân thành thị ngày một tăng.
Câu 34. Dựa vào bảng số liệu sau và cho biết mệnh đề nào sau đây là đúng?

Một số tiêu chí về đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn 1990-2021

Tiêu chí	**1990**	**2010**	**2015**	**2020**	**2021**
Số dân thành thị (triệu người)	12,9	26,5	30,9	35,9	36,6
Tỉ lệ dân thành thị (%)	19,5	30,4	33,5	36,8	37,1
Số lượng đô thị (đô thị)	500	772	787	862	869

(Nguồn: *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*)
A. So với năm 1990, tỉ lệ dân thành thị năm 2021 đã tăng gần gấp đôi.
B. Số dân thành thị, số lượng đô thị tăng nhưng tỉ lệ dân thành thị không đổi.
C. So với năm 1990, số dân thành thị năm 2021 đã tăng gấp đôi.
D. Số dân thành thị, tỉ lệ dân thành thị tăng nhưng số lượng đô thị không tăng.
Câu 35. Nội dung nào sau đây phản ánh vai trò chính trị của đô thị?
A. Là nơi tập trung các trường đại học và viện nghiên cứu
B. Là nơi đặt trụ sở các cơ quan trung ương và địa phương.
C. Là trung tâm sản xuất, dịch vụ và phân phối hàng hóa.
D. Là nơi hội tụ văn hóa, có sức ảnh hưởng đến các vùng.
Câu 36. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của các đô thị hóa ở Việt Nam trước năm 1945?
A. Quá trình đô thị hóa có sự khác biệt lớn giữa hai miền Nam – Bắc.
B. Quá trình đô thị hóa chậm, các đô thị ít thay đổi qua hàng nghìn năm.
C. Đô thị có quy mô lớn, nhưng chủ yếu chỉ có chức năng kinh tế.
D. Đô thị quy mô nhỏ, chủ yếu có chức năng hành chính, quân sự.
Câu 37. Ở các nước phát triển trong thời kì xã hội hậu công nghiệp, quá trình đô thị hóa diễn ra ổn định nên tốc độ gia tăng dân số
A. chậm lại.
B. tăng nhanh.

LIVEWORKSHEETS

C. tăng nhưng không đều.
D. không thay đổi.
Câu 38. Nội dung nào sau đây phản ánh vai trò của đô thị với sự phát triển văn hóa, giáo dục?
A. Thúc đẩy giải quyết khủng hoảng môi trường và biến đổi khí hậu.
B. Làm thay đổi cơ cấu ngành nghề, cải thiện chất lượng sống của dân cư.
C. Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
D. Tăng tính liên kết trong hoạt động sản xuất, trao đổi giữa các địa phương.
Câu 39. Đô thị nào sau đây là đầu tàu kinh tế khu vực Đông Nam Bộ và cả nước?
A. Hà Nội.
B. Cần Thơ.
C. TP. Hồ Chí Minh.
Hà Nội.
D. Đà Nẵng.
Câu 40. Nội dung nào sau đây không phải là đặc điểm của đô thị đầu thế kỉ XXI?
A. Phát triển thành các vùng đô thị, dải siêu đô thị.
B. Xuất hiện những đô thị công nghiệp đầu tiên.
C. Tập trung vào công nghiệp hiện đại và kinh tế tri thức.
D. Phát triển theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh.

LIVEWORKSHEETS